

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 885 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục TTHC trong lĩnh vực đấu thầu, lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp - nông thôn thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông.tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1454/TTr-SKHĐT ngày 24/4/2019; ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 38 /BC-VPUB ngày 31/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC trong lĩnh vực đấu thầu, lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp - nông thôn thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp – nông thôn; thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực đấu thầu, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực đấu thầu thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư; thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Danh mục thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết công khai thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT&TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS



CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vinh

ỦY BAN
TỈNH NINH THUAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TTHC TRONG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/15/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư:					
01	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất.	<ul style="list-style-type: none">- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.+ Thời gian giải quyết của Sở KHĐT: 45 ngày.+ Thời gian giải quyết của HĐND tỉnh: 07 ngày.+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 07 ngày.- Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.+ Thời gian giải quyết của Sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 44, đường 16/4, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.	Không quy định	Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

		<p>KHĐT là 19 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của HĐND tỉnh: 05 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 05 ngày.</p>			
02	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất.	<p>- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày.</p> <p>+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở KHĐT: 34 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 05 ngày.</p> <p>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.</p> <p>+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở KHĐT: 24 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 05 ngày.</p>	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
03	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi	<p>- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày.</p> <p>+ Thời gian tiếp</p>	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

	điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.	<p>nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở KHĐT: 34 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 05 ngày.</p> <p>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.</p> <p>+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở KHĐT: 24 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 05 ngày.</p>			
II. Lĩnh vực đầu tư vào Nông nghiệp - nông thôn:					
01	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	<p>07 ngày, đối với dự án sử dụng ngân sách địa phương.</p> <p>+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC: 01 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở KHĐT: 02 ngày.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của UBND tỉnh: 02 ngày.</p>	- Như trên -	- Như trên -	<p>Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>